

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HS-ST
Ngày: 31-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Trịnh Xuân Tháp

- Bà Vũ Thị Hảo

Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2018/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Văn H**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Xíu, Sinh năm 1967 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Họ tên cha: Võ Văn T (Đã chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị T (Đã chết); Gia đình bị cáo có 09 anh, chị em. Bị cáo là con thứ 07 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Họ tên vợ: Kim Thị Bích P, sinh năm 1975, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 355 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

2. Họ và tên: **Trần Văn T**, Giới tính: Nam, Sinh năm 1974, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 8/12; Họ tên cha: Trần Văn H, sinh năm 1948; Họ tên mẹ: Phạm Thị L, sinh năm 1946; Gia đình bị cáo có 07 chị, em. Bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo chưa có vợ, con; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 356 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

3. Họ và tên: **Nguyễn Minh T1**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: C, Sinh năm 1989, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh

Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn G sinh năm 1955; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 05 chị em. Bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Họ tên vợ: Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1990; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 357 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

4. Họ và tên: **Hồ Tường T2**, Giới tính: Nam, Sinh năm 1966, tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 12, khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Hồ T, sinh năm 1925 (đã chết); Họ tên mẹ: Hồ Thị N, sinh năm 1926 (đã chết); Gia đình bị cáo có 09 anh, chị em. Bị cáo là con thứ 07 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Họ tên vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 có hai con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ 2007; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 358 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

5. Họ và tên: **La Tấn P**, Giới tính: Nam; Sinh năm 1962, tại Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: tổ 7a, khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán, Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: La Thanh Q, đã chết; Họ tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1947, đã chết; Gia đình bị cáo có 02 anh, em. Bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Họ tên vợ: Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1970, có hai con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2003; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 359 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

6. Họ và tên: **Lê Xuân Đ**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: B; Sinh năm 1979, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Làm rẫy, Trình độ học vấn: 6/12; Họ tên cha: Lê Xuân Đ, sinh năm 1952; Họ tên mẹ: Trần Thị L, sinh năm 1954; Gia đình bị cáo có 03 chị, em. Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không có vợ, có hai con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 360 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

7. Họ và tên: **Huỳnh Thị Ngọc T3**, Giới tính: Nữ; Sinh năm 1970, tại Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 7A, khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Họ tên cha: Huỳnh Ngọc T, không rõ năm sinh; Họ tên mẹ: Dương Thị T, không rõ năm sinh; Gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em.

Bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Họ tên chồng: La Tấn P, sinh năm 1962, có hai con, lớn sinh năm 1991, nhỏ 2003; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 361 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

8. Họ và tên: **Lê Thị Thu T4**, Giới tính: Nữ, sinh năm 1995, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Họ tên cha: Lê Hoàng P, sinh năm 1965, đã chết. Họ tên mẹ: Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1966; Gia đình bị cáo có 03 anh, em. Bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo chưa có chồng, con; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 362 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

9. Họ và tên: **Đặng Thị Kim T5**, Giới tính: Nữ; Sinh năm 1991, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, ấp 2, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán, Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Đặng Văn Ô, sinh năm 1964; Họ tên mẹ: Phạm Thị C, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em. Bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo chưa có chồng, con; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 363 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

10. Họ và tên: **Phạm Thị Bích T6**, Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: T, sinh năm 1977, tại An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Họ tên cha: Phạm Văn T, đã chết; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị X, đã chết; Gia đình bị cáo có 04 chị, em. Bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo chưa có chồng, có hai con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2018 đến ngày 13/4/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/6/2018 theo Lệnh số 364 ngày 13/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; Trú tại: Tổ 9, khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ 3, ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Anh Chu Anh D, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ 7, khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Anh Đinh Xuân L, sinh năm 1997; Trú tại: Khu phố 5, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Chị Phạm Thị U, sinh năm 1995; Trú tại: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)
- Chị Trương Thị P, sinh năm 1989; Trú tại: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ 3, ấp 4, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)
- Anh Đỗ Thành K, sinh năm 1984; Trú tại: Khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)
- Ông Huỳnh Xuân U1, sinh năm 1960; Trú tại: Khu 1, ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)
- Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1981; Trú tại: 52B/8, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21h15' ngày 08/4/2018 tại khu phố 4, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Các đối tượng Võ Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Thị Ngọc T3, La Tấn P, Lê Xuân Đ, Lê Thị Thu T4, Đặng Thị Kim T5, Phạm Thị Bích T6 tham gia đánh bạc bằng hình thức “tài xỉu” thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Minh T1, Hồ Tường T2, Huỳnh Thị Ngọc T3, La Tấn P, Lê Xuân Đ, Lê Thị Thu T4, Đặng Thị Kim T5, Phạm Thị Bích T6, đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo H, T, T1, T2, T3, P, Đ, T4, T5, T6 đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

**Tang vật thu giữ:*

- + Thu trên chiếu bạc:
 - Số tiền 48.100.000 đồng.
 - 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sứ, 01 nắp chụp hình trụ, 01 tấm bạt nylon, 01 giỏ xách bên trong có số tiền 250.000.000 đồng.
- + Thu giữ trong người con bạc:
 - Phạm Thị Bích T số tiền 800.000 đồng.
 - La Tấn P số tiền 500.000 đồng.
 - Lê Xuân Đ số tiền 500.000 đồng.
 - Nguyễn Minh T1 số tiền 3.150.000 đồng.
 - Lê Thị Thu T4 số tiền 7.000.000 đồng,
 - Huỳnh Thị Ngọc T3 số tiền 3.500.000 đồng.

- Trần Văn T số tiền 1.800.000 đồng.
- 05 điện thoại di động các loại, 02 xe ô tô biển số 60A-252.69 và 60A-267.65; 08 xe mô tô gồm các biển số: 60B8-633.83; 60B9-356.12; 60F1-4334; 60B9-406.67; 60T2-27943; 60B9-450.60; 60B9-005.35; 60B9-400.36

** Các đối tượng khai báo hành vi đánh bạc ngày 08/4/2018 như sau:*

1. Võ Văn H được Trần V cho biết ở khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai có đánh bạc. H đã rủ Trần Văn T, thuê xe taxi đến xã Tân An rủ B và Nguyễn Minh T1 đi đánh bạc tại khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. H mang theo bộ dụng cụ lắc “Tài xỉu”, lúc đầu đánh bạc ở quán nước ven đường, sau đó gặp Hồ Tường T2 dẫn đến khu vườn cao su của bà Nguyễn Thị K để đánh bạc. H mang theo 30.000.000 đồng sử dụng vào đánh bạc và cầm cái tham gia đánh bạc với mọi người. Trần Văn T phụ lắc bài, Nguyễn Minh T1 phụ kiểm tra bài và chung tiền cho con bạc giúp H. H đã cho T và T1 mỗi người 400.000 đồng. Đến khoảng 21h thì bị bắt quả tang, số tiền tham gia đánh bạc của Võ Văn H là 30.000.000 đồng.

2. Trần Văn T: Khoảng 16h ngày 08/4/2018 T cùng Võ Văn H, Nguyễn Minh T1, đến khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được Hồ Tường T2 dẫn vào căn nhà cấp 4 (Chủ nhà vắng nhà) để đánh bạc, các con bạc kéo đến tham gia đánh bạc, mỗi ván từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng. T mang theo số tiền 1.400.000 đồng nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc, do Võ Văn H cầm cái, T chỉ phụ lắc bài, được H cho 400.000 đồng. Khi bị bắt quả tang số tiền T6 giữ là 1.800.000 đồng. Số tiền tham gia đánh bạc của Trần Văn T là 400.000 đồng.

3. Nguyễn Minh T1 hỗ trợ cho Võ Văn H trong việc chung tiền, được H cho số tiền 400.000 đồng tiền công phụ. T1 mang theo số tiền 2.750.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt quả tang số tiền thu giữ là 3.175.000 đồng. Số tiền tham gia đánh bạc của Võ Minh T1 là 400.000 đồng.

4. Huỳnh Thị Ngọc T3 mang theo 3.000.000 đồng, T3 không biết đánh bạc đã hùn số tiền 500.000 đồng chung với một người không rõ tên, đánh thắng 500.000 đồng. T3 vừa nhận tiền của H xong thì bị bắt quả tang, số tiền thu giữ là 3.500.000 đồng. Số tiền tham gia đánh bạc của Huỳnh Thị Ngọc T3 là 1.000.000 đồng.

5. Đặng Thị Kim T5 mang theo 4.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, T5 hùn với thanh niên không biết tên. T5 không rõ thắng thua như thế nào thì bị Công an bắt quả tang.

6. Lê Xuân Đ mang theo số tiền 1.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, đã bị thua 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 500.000 đồng.

7. Lê Thị Thu T4 mang theo 5.000.000 đồng sử dụng đánh bạc thắng 2.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ số tiền 7.000.000 đồng.

8. Phạm Thị Bích T6 mang theo 4.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, đến thời điểm bị bắt quả tang đã bị thua 3.200.000 đồng. Bị thu giữ số tiền 800.000 đồng.

9. La Tấn P mang theo 1.500.000 đồng, P sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc bị thua 1.000.000 đồng. P nghỉ ngồi xem, khi bị bắt bị thu giữ số tiền 500.000 đồng.

10. Hồ Tường T2: Mang theo số tiền 1.200.000 đồng tham gia đánh bạc, đánh 03 ván bị thua hết tiền nghỉ không tham gia, ngồi xem đến 21 giờ thì bị bắt, T2 chạy thoát. Ngày 11/4/2018 T2 đến Công an trình diện.

Hậu quả chung vụ tại thời điểm bị bắt quả tang:

48.100.000 đồng + 800.000đồng/T1, T + 1.000.000đồng/T5 + 800.000 đồng/T6 + 7.000.000 đồng/T4 = 57.700.000 đồng.

*Cách thức đánh bạc bằng hình thức “Tài xỉu”: Có 03 hột xí ngầu có 06 mặt tương ứng với số nút từ 01 đến 06. Người làm cái cho 03 hột xí vào đĩa dùng nắp đậy lại và lắc. Các con bạc đặt tiền cá cược cho mặt “tài” hoặc “xiu”, sau khi đặt tiền người làm cái mở nắp đếm nút theo nguyên tắc: Tổng số 03 hột xí ngầu có từ 11-17 điểm gọi là “tài”; từ 04 đến 10 điểm gọi là “xiu”; 03 hột xí ngầu giống nhau gọi là “bão”. Nếu “bão” có số nút của 03 hột xí ngầu là 1, 2 hoặc 3 thì người cầm cái ăn bên “tài”; nếu số nút của 03 hột xí ngầu đều là 4, 5 hoặc 6 thì người cầm cái ăn bên “xiu” và không phải chi trả cho bên còn lại. Tỷ lệ thắng thua là 1/1.

* *Xử lý vật chứng*

Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã trả lại:

- 05 điện thoại các loại, 02 xe ô tô, 08 xe mô tô cho các chủ sở hữu.
- La Tấn P số tiền 500.000 đồng.
- Lê Xuân Đ số tiền 500.000 đồng.
- Nguyễn Minh T1 2.750.000 đồng.
- Huỳnh Thị Ngọc T3 số tiền 2.500.000 đồng.
- Trần Văn T số tiền 1.400.000 đồng.
- Số tiền 250.000.000 đồng là của Trần Văn T mang theo để trả tiền cọc mua đất, không sử dụng vào mục đích đánh bạc, T đã nhận lại.

Tại bản Cáo trạng số: 60/CT/VKS - HS ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố các bị cáo Hồ Tường T2, La Tấn P để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Võ Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Thị Ngọc T3, Lê Xuân Đ, Lê Thị Thu T4, Đặng Thị Kim T5, Phạm Thị Bích T6 để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1, Điều 321, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo La Tấn P từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
- Xử phạt bị cáo Hồ Tường T2 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Khoản 2, Điều 321, điểm s, t khoản 1, 3 Điều 51; 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn H từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 05 năm và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 3-4 năm và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 3-4 năm và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T3 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 3-4 năm và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân Đ từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T4 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 3-4 năm và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim T5 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 3-4 năm và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích T6 từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 3-4 năm và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên viện kiểm sát, các bị cáo, không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai ban đầu, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, thể hiện:

Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu để xét xử các bị cáo: La Tấn P và Hồ Tường T2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và các bị cáo Võ Văn H, Huỳnh Thị Ngọc T3, Lê Xuân Đ, Lê Thị Thu

T4, Đặng Thị Kim T5, Phạm Thị Bích T6 để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Trần Văn T và Nguyễn Minh T1 không trực tiếp đánh bạc nhưng giúp sức cho bị cáo H đánh bạc và được hưởng tiền công, nên T và T1 phạm tội đánh bạc với vai trò giúp sức được quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Trong vụ án này có nhiều bị cáo nên áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để đánh giá hành vi phạm tội của từng bị cáo, để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Xét thấy vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có phân công nhiệm vụ cụ thể, như phân công người canh giới, theo dõi hay tổ chức việc đánh bạc mà các con bạc chỉ nghe thấy có đánh bạc, nên các con bạc đến chơi và tham gia các bị cáo trực tiếp sát phạt nhau. Cụ thể có rất nhiều người đến xem nhưng không đánh, nên không xác định có chủ mưu, cầm đầu. Nhưng cần phải xét đến vai trò của bị cáo Võ Văn H là người làm cái để đánh bạc với các con bạc khác, nên bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Đối với các con bạc Huỳnh Thị Ngọc T3, Đặng Thị Kim T5, Lê Xuân Đ, Lê Thị Thu T4, Phạm Thị Bích T6 là các con bạc mặc dù không chơi cùng lúc, nhưng khi công an bắt quả tang các con bạc này đều đang chơi đánh bạc để sát phạt nhau, nên các bị cáo phải chịu hình phạt ngang bằng nhau và thấp hơn bị cáo H.

Đối với bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Minh T1 không trực tiếp đánh bạc nhưng giúp sức cho bị cáo H nên phải chịu hình phạt ngang bằng nhau và nhẹ hơn bị cáo khác.

Xét thấy các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích lợi nhuận, nên áp dụng thêm hình phạt bổ sung thể hiện tính nghiêm khắc của pháp luật, để răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo La Tấn P và Hồ Tường T2 tham gia đánh bạc được vài ván, thua rồi không chơi nữa và ngồi xem, khi công an vào bắt quả tang thì bị cáo T2 và bị cáo P đang ngồi xem, nên không đủ căn cứ truy tố các bị cáo theo khoản 2 Điều 321, nhưng đủ cơ sở để xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, nên các bị cáo chịu hình phạt ngang nhau và nhẹ hơn các bị cáo khác, nên áp dụng hình phạt tiền cũng đủ nghiêm để răn đe bị cáo để trở thành công dân tốt và có ích cho xã hội.

Sau khi các bị cáo phạm tội, các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan công an để giải quyết vụ án, như khai báo đồng phạm là Trần V là người báo cho các bị cáo H, T biết có chỗ đánh bạc và rủ H hùn vốn làm cái, hiện tại cơ quan điều tra đang làm rõ đối với V, nếu đủ căn cứ để chứng minh thì sẽ xử lý sau. Vì vậy kiến

nghe cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện Vĩnh Cửu tiếp tục làm rõ hành vi của đối tượng V để điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm.

Do vậy, cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm cải tạo và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Khi lượng hình cũng cần xem xét về tính chất của vụ án. Vì các bị cáo đều là công nhân lao động, không phải dân thường xuyên cờ bạc, để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan công an để giải quyết vụ án. Đối với bị cáo La Tấn P và Hồ Tường T2 được hưởng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hơn nữa các bị cáo bị tạm giam 04 ngày cũng đủ nghiêm để răn đe các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, có hộ khẩu rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mà cho các bị cáo được hưởng án treo và áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cũng đủ nghiêm để cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

- Đối với số tiền 250.000.000 đồng trong giỏ xách của T, do số tiền này không dùng vào việc đánh bạc và T chứng minh được số tiền này là tiền đi trả tiền mua đất, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công số tiền 57.700.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Theo biên lai thu tiền số 0001894 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sừ, 01 nắp chụp hình trụ, 01 tấm bạt nylon mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

* Đối với một số tài sản không liên quan đến việc phạm tội cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu, nên không đặt ra xem xét bao gồm:

- 05 điện thoại các loại, 02 xe ô tô, 08 xe mô tô cho các chủ sở hữu.
- La Tấn P số tiền 500.000 đồng.
- Lê Xuân Đ số tiền 500.000 đồng.
- Nguyễn Minh T1 2.750.000 đồng.
- Huỳnh Thị Ngọc T3 số tiền 2.500.000 đồng.

- Trần Văn T số tiền 1.400.000 đồng.
 - Số tiền 250.000.000 đồng là của Trần Văn T mang theo để trả tiền cọc mua đất, không sử dụng vào mục đích đánh bạc, T đã nhận lại.
- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1]. Tuyên bố, các bị cáo Võ Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Thị Ngọc T3, Lê Xuân Đ, Lê Thị Thu T4, Đặng Thị Kim T5, Phạm Thị Bích T6, Hồ Tường T2, La Tấn P phạm tội: “Đánh bạc”.

2]. Áp dụng khoản 2, Điều 321; điểm s, t khoản 2, 3 Điều 51; 58; 65 của Bộ luật Hình sự. Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Võ Văn H, Trần Văn T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Thị Ngọc T3, Lê Xuân Đ, Lê Thị Thu T4, Đặng Thị Kim T5, Phạm Thị Bích T6.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn H 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Võ Văn H cho UBND xã B, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T3 cho UBND TT. V, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Lê Xuân Đ cho UBND xã T, huyện T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Lê Thị Thu T4 cho UBND xã P, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim T5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Đặng Thị Kim T5 cho UBND xã P, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích T6 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Phạm Thị Bích T6 cho UBND xã TT. V, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Trần Văn T cho UBND xã T, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Nguyễn Minh T1 cho UBND xã T, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự. Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo La Tấn P và Hồ Tường T2:

- Xử phạt bị cáo La Tấn P 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Hồ Tường T2 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công số tiền 57.700.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng). Theo biên lai thu tiền số 0001894 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 hột xì ngầu, 01 đĩa sù, 01 nắp chụp hình trụ, 01 tấm bạt nylon. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3]. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4]. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan THA HS huyện Vĩnh Cửu
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến